

PHỤ LỤC I

BIỂU TỔNG HỢP PHÂN BỐ KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN NĂM 2026 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 12/8/2026 của HĐND xã Côn Minh)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung chi	Tổng số	Số phân bổ	Dư chưa phân bổ	Ghi chú
1	2	3	4	5=3-4	6
	TỔNG SỐ	2.000.000.000	2.000.000.000	0	
1	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030 (NGUỒN VỐN CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM 2025 SANG NĂM 2026 NGÂN SÁCH TỈNH BỔ SUNG)	2.000.000.000	2.000.000.000	0	
-	<i>Ngân sách Trung ương</i>	<i>1.925.000.000</i>	<i>1.925.000.000</i>	<i>0</i>	<i>Chi tiết theo Phụ lục II</i>
-	<i>Ngân sách địa phương (Ngân sách tỉnh)</i>	<i>75.000.000</i>	<i>75.000.000</i>	<i>0</i>	

PHỤ LỤC II

BIỂU CHI TIẾT PHÂN BỐ KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN NĂM 2026 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Nghị quyết số 38/NQ-HĐND ngày 12/8/2026 của HĐND xã Côn Minh)

Đơn vị: Đồng

STT	Đơn vị	Tên dự án/Nội dung hoạt động	Mục tiêu	Tổng cộng	Trong đó:		Ghi chú
					NSTW	NSDP	
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8
	TỔNG CỘNG			2.000.000.000	1.925.000.000	75.000.000	
I	Hợp phần thứ nhất			1.240.000.000	1.193.500.000	46.500.000	
1	Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trườngp (0031)			940.000.000	904.750.000	35.250.000	
1.1	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo, phù hợp với điều kiện sinh thái, văn hóa và trình độ phát triển của từng địa phương, đặc biệt tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo; khuyến khích ứng dụng khoa học - công nghệ, kinh tế số, kinh tế xanh và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; bảo đảm kết nối thị trường; thí điểm cơ chế tín dụng vi mô, bảo hiểm nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu và duy trì bền vững (10513, 20513)</i>			940.000.000	904.750.000	35.250.000	
-	Phòng Kinh tế	Dự án phát triển sản xuất cộng đồng chăn nuôi ngựa nội sinh sản	Nhằm khuyến khích người dân nâng cao kỹ thuật chăn nuôi, làm tăng tổng đàn vật nuôi trên địa bàn, có nguồn thu nhập, sinh lời từ nguồn vốn hỗ trợ từng bước khắc phục những khó khăn trong sản xuất, ổn định đời sống, giúp người dân giảm nghèo bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số	940.000.000	904.750.000	35.250.000	
2	Nội dung thành phần 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững			300.000.000	288.750.000	11.250.000	

STT	Đơn vị	Tên dự án/Nội dung hoạt động	Mục tiêu	Tổng cộng	Trong đó:		Ghi chú
					NSTW	NSDP	
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8
2.1	<i>Nội dung 02: Đào tạo, bồi dưỡng; tập huấn nâng cao chất lượng lao động cho ngành nông nghiệp để hình thành đội ngũ nông dân chuyên nghiệp, có tri thức, tay nghề cao, đáp ứng yêu cầu về xây dựng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung, ưu tiên cho lao động trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo (10515, 20515)</i>			300.000.000	288.750.000	11.250.000	
-	Phòng Văn hóa - Xã hội	Mở 02 lớp đào tạo nghề dưới 03 tháng	Đạt yêu cầu nhóm tiêu chí số 04 về đào tạo nguồn nhân lực nông thôn, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp chứng chỉ đối với xã nhóm 3 đạt $\geq 27\%$ theo Quyết định 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ; đối với vùng đồng bào DTTS&MN hằng năm thu hút 3% lao động sang làm các ngành, nghề: công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, dịch vụ	300.000.000	288.750.000	11.250.000	
II	Hợp phần thứ hai			760.000.000	731.500.000	28.500.000	
1	Nội dung thành phần 01: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi			760.000.000	731.500.000	28.500.000	

STT	Đơn vị	Tên dự án/Nội dung hoạt động	Mục tiêu	Tổng cộng	Trong đó:		Ghi chú
					NSTW	NSDP	
1	2	3	4	5=6+7	6	7	8
1.1	Nội dung 06: Giải quyết những vấn đề cấp thiết vùng đồng bào DTTS&MN, bao gồm: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở; quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư cho đồng bào DTTS còn di cư tự do và ở những nơi cần thiết; hỗ trợ đất ở, nhà ở cho các hộ trong diện quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư; hỗ trợ đất sản xuất đối với đối tượng thay đổi chỗ ở khi bố trí quy hoạch, sắp xếp, ổn định dân cư; hỗ trợ kinh phí di chuyển các hộ từ nơi ở cũ đến nơi tái định cư; xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp công trình chống sạt lở tại những điểm xã, thôn có nguy cơ sạt lở cao, ảnh hưởng trực tiếp đến khu vực dân cư, trường học; đầu tư xây dựng nhà hoả táng, quy hoạch, bố trí quỹ đất làm các khu nghĩa địa, nghĩa trang tập trung vùng đồng bào DTTS (10511, 20511)			760.000.000	731.500.000	28.500.000	
-	Phòng Văn hóa - Xã hội	Hỗ trợ nhà ở 10 hộ, trong đó: 09 hộ làm mới; 01 hộ sửa chữa	Giải quyết căn bản tình trạng đồng bào DTTS chất lượng nhà ở chưa đảm bảo được bố trí ổn định nhà ở	760.000.000	731.500.000	28.500.000	